



Nguyễn Công Trứ (Mậu Tuất 1788-Mậu Ngọ 1858)

Nguyễn Công Trứ (Mậu Tuất 1788-Mậu Ngọ 1858)

Danh sĩ, nhà doanh điền, đời Tự Đức, tự Tồn Chất, hiệu Ngọc Trai, biệt hiệu Hi Văn, sinh ngày 1-11 âm lịch, quê làng Uy Viễn, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh con Ngạn Hậu Nguyễn Công Tấn.

Năm Quý Dậu 1813 ông đỗ sinh đồ (Tú tài) đến năm Kỉ Mão 1819, đỗ giải nguyên. Sơ bổ Hành tẩu bộ lễ, ở Quốc sử quán, rồi làm tri huyện Đường Hào (Hải Dương), trải qua các chức vụ: Lang trung bộ Lại, Tư nghiệp Quốc tử giám (1824), Tham hiệp trấn Thanh Hoá (1825), Thị lang bộ Hình (1827), rồi thăng Hữu tham tri bộ Hình, sung chức Dinh điền sứ Nam Định, Ninh Bình. Có lúc làm Tổng đốc Hải An, Tả đô ngự sử Viện đô sát, Tuần phủ An Giang. Đến năm 70 tuổi (1848) ông ba lần xin hưu trí mới được về.

Ông từng cùng các tướng đi đánh dẹp các nhóm Lê Duy Lương, Phan Bá Vành, Nùng Văn Vân, từng làm Tham tán quân vụ trấn Tây thành (Nam Vang-Phnom Pênh).

Khi làm Dinh điền sứ, ông có công khẩn hoang, lập hai huyện Kim Sơn, Tiền Hải và hai tổng Hoàn Thụ, Ninh Nhất trong năm 1829.

Năm 1827 ông được ban thưởng một toà bạch ngọc hình núi, một con ngựa mã não, một chiếc kim khánh khắc bốn chữ”Lao năng khả tướng”. Năm 1829 bị cáo “ mua tiếng ngay thẳng” “mại trọc”; năm 1841 bị tuyên án “trảm giam hậu” vì không thi hành chỉ dụ triều đình, nhưng chỉ giáng xuống làm Lang trung bộ Binh, lãnh chức quyền Tuần phủ An Giang, rồi bị cách tuột làm lính thú ở Quảng Ngãi.

Năm 70 tuổi ông có bài “Tự thọ”. Năm Mậu Ngọ 1858 ông mất ngày 14-11 Âm lịch, thọ 80 tuổi.

Tác phẩm của ông có đến hàng trăm bài. Riêng thơ Nôm (52 bài), hát nói (63 bài). Các bài phú, câu đối (4 bài).

Có thể nói Nguyễn Công Trứ là một con người đa dạng, một nghệ sĩ tài hoa, một nhà chính trị lão luyện, một trong những nhà cai trị xuất sắc nhất của triều Nguyễn.

Nguyễn Cư Trinh (Bính Thân 1716-Đinh Hợi 1767)

Nguyễn Cư Trinh (Bính Thân 1716-Đinh Hợi 1767)

Danh sĩ, nhà doanh điền đời chúa Võ vương Nguyễn Phúc Khoát, tên chữ là Nghi, hiệu Đạm Am, con út danh sĩ Nguyễn Đăng Đệ. Tổ xa vốn họ Trịnh, người huyện Thiên Lộc, tỉnh Nghệ An, sau dời vào xã An Hoà, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên.

Ông đỗ hương tiến (cử nhân) có tài văn võ, làm quan đến Thượng thư bộ Lại, kiêm Tào vận sứ, tước Nghi Biểu Hầu. Ông nổi tiếng liêm chính, giỏi việc chính trị, doanh điền, ngoại giao.

Năm Canh Ngọ 1750 ông đánh dẹp cuộc nổi dậy chống triều đình ở Đá Vách (người dân tộc khởi loạn). Năm 1753 ông có công trong việc mở mang bờ cõi, an dân.

Năm Đinh Hợi 1767 ông bệnh mất, hưởng dương 51 tuổi, được truy tặng Tá Lý công thần, Vinh lộc đại phu, thụy Văn Định.

Thơ văn ông được truyền tụng nhiều, gồm một số bài thơ chữ Hán và chữ Nôm đặc sắc nhất là: Truyện Sãi Vãi (Nôm), Độn Am thi tập (Hán)

Vào năm 1750 Võ vương bổ Nguyễn Cư Trinh làm Tuần phủ Quảng Ngãi lo việc trị an và phủ dụ sắc dân Hré. Sau khi nghiên cứu, xem xét sinh hoạt, cá

tính của người Hré, Nguyễn Cư Trinh đem khả năng và tài trí của mình ra thuyết phục nhưng không thành.

Thuyết phục không xong ông quyết định tiến đánh, nhưng trước khi tiến quân ông đã sáng tác tác phẩm Sãi Vãi để vạch rõ những khối óc mê tín dị đoan, cùng sự sa đọa của một số sư sãi đòi trụ mà nhân dân vẫn còn mê muội tin theo.

Tác phẩm ra đời cùng chiến công hiển hách ấy, Nguyễn Cư Trinh vừa đúng 35 tuổi. Đối với Nguyễn Cư Trinh qua Sãi Vãi và nhiều người khác – tu là sống và sống là tu như quan niệm phóng khoáng, cởi mở của đạo thiên.